

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5- 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Thạch Khêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị Lệ H**, sinh năm 1990, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp A, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp An P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Út N**, sinh năm 1988, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp A, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Lệ H trình bày:

Vào ngày 07/07/2010, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn Út N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010 hiện đang sống chung với chồng chị và Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình vợ chồng chị không hợp nhau, anh Út N đi làm không cho tiền chị để lo cho con, vợ chồng hay cự cãi, bất đồng ý kiến nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay chị Thị Lệ H yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Văn Út N.

Về con chung: Chị Thị Lệ H yêu cầu được nuôi 02 đứa con chung tên Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010 và Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013, không yêu cầu anh Út N phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Chị Thị Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Út N trình bày:

Anh Nguyễn Văn Út N thống nhất với chị Thị Lệ H về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình vợ chồng anh không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay. Anh Út N đồng ý ly hôn với chị Thị Lệ H.

Về con chung: anh Nguyễn Văn Út N yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung và anh đồng ý cho chị Thị Lệ H được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Út N yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N thuận tình ly hôn;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N thống nhất không có.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị Thị Lệ H yêu cầu được nuôi 02 đứa con chung tên Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010 và Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013, không yêu cầu anh Út N phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Anh Nguyễn Văn Út N yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung và anh đồng ý cho chị Thị Lệ H được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải

quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị H, anh N thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn; Về con chung: Anh Nguyễn Văn Út N đồng ý cho chị Thị Lệ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013 và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N, chị H.

Đối với con chung Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010, anh N và chị H đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Danh T có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Thị Lệ H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh Nguyễn Văn Út N. Giao con chung Nguyễn Danh T cho chị Thị Lệ H được nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định giữa chị và anh Út N không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, khi chị và anh Út N sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay thì người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống, bị đơn anh Nguyễn Văn Út N cũng đồng ý ly hôn với chị H nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Thị Lệ H với anh Nguyễn Văn Út N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Út N đồng ý cho chị Thị Lệ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013 và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N, chị H.

Đối với con chung Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010, anh N và chị H đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi sống ly thân cho đến nay

con chung Nguyễn Danh T sống chung bên gia đình anh Út N nhưng hàng ngày anh Út N đi làm thuê xa không trực tiếp nuôi cháu mà cháu Danh T được bà Nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Danh T có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Thị Lệ H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con chung từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con chung nên yêu cầu của chị Thị Lệ H được nuôi con chung Nguyễn Danh T là phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh Nguyễn Văn Út N. Giao con chung Nguyễn Danh T cho chị Thị Lệ H được nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Út N có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N là chị Thị Lệ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Danh P, sinh ngày 29/11/2013. Anh Nguyễn Văn Út N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Thị Lệ H không có yêu cầu.

Buộc anh Nguyễn Văn Út N giao con chung Nguyễn Danh T, sinh ngày 22/9/2010 cho chị Thị Lệ H được nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với chị H của cháu Danh T. Anh Nguyễn Văn Út N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Thị Lệ H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi

con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015334, ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, chị Thị Lệ H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn Út N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn Út N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện. G, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

